

Số: 209 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 24 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020,

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2332/TTr-SLĐTBXH ngày 23 tháng 11 năm 2022;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, trách nhiệm của UBND cấp tỉnh xây dựng và trình HĐND cấp tỉnh quyết định: "Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này".

Thực hiện theo quy định trên, việc trình HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết là cần thiết, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý để các sở, ngành và các địa phương có cơ sở triển



khai thực hiện các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm

Đảm bảo việc thi hành pháp luật và phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đảm bảo các nội dung quy định phù hợp thực tiễn, được thực hiện ổn định, hiệu quả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 17/10/2022, UBND tỉnh có Công văn số 3045/UBND-TH về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022; trong đó giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết "*ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025*" trình HĐND tỉnh.

Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 31/10/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hội tiến hành lấy ý kiến các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Đến ngày 01/11/2022, cơ quan soạn thảo đã nhận được ý kiến góp ý của 12 cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở tiếp thu các góp ý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định. Đến ngày 07/11/2022, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 279/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết; ngày 09/11/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 2235/TTr-SLĐTBXH gửi UBND tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết.

Trên cơ sở ý kiến của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 476/BDT-KHTH ngày 31/10/2022, Văn phòng điều phối Nông thôn mới tại Công văn số 351/VPĐP ngày 28/10/2022; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 2238/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 10/11/2022, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh tên, nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa X từ "*ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025*" thành "*ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, định mức, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025*".

Ngày 15/11/2022, UBND tỉnh có Công văn số 3458/UBND-KGVX về việc điều chỉnh tên, nội dung và thời gian trình Nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa X; giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì soạn thảo, Ban Dân tộc và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan phối hợp trong việc xây dựng nghị quyết.

Từ ngày 15/11/2022 đến ngày 18/11/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành lấy ý kiến các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Đến ngày 20/11/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của đơn vị 11/17 đơn vị gửi lấy ý kiến (05 sở, ngành và 06 huyện, thị xã). Trên cơ sở tiếp thu các góp ý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định (Công văn số 2299/SLĐTBOXH-QLLVXH ngày 20/11/2022). Đến ngày 23/11/2022, Sở Tư pháp có Công văn số 1753/STP-PC phúc đáp, trong đó đề nghị kế thừa nội dung thẩm định tại Báo cáo số 279/BC-STP ngày 07/11/2022 của Sở Tư pháp.

Trên cơ sở xem xét các nội dung trình, báo cáo giải trình của cơ quan soạn thảo và ý kiến của Sở Tư pháp, UBND tỉnh họp ngày 23/11/2022 thống nhất, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục

Bố cục của dự thảo Nghị quyết, gồm 2 phần:

Phần 1: Nội dung dự thảo Nghị quyết.

Phần 2: Nội dung dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung cơ bản của Phần 1

Dự thảo Nghị quyết: gồm 02 Điều, Điều 1 là quyết nghị của HĐND ban hành quy định và Điều 02 là phân công tổ chức triển khai thực hiện.

2.2. Nội dung cơ bản của Phần 2

Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 02 Chương 05 Điều.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II: Quy định cụ thể

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ



V. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (kèm theo dự thảo Quy định).

- Các văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Báo cáo số 307/BC-SLĐTBXH ngày 01/11/2022; Báo cáo 319/BC-SLĐTBXH ngày 08/11/2022; Báo cáo 336/BC-SLĐTBXH ngày 20/11/2022; Công văn số 2328/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 23/11/2022.

- Báo cáo số 279/BC-STP ngày 07/11/2022; Công văn số 1753/STP-PC ngày 23/11/2022 Sở Tư pháp.

- Các văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐ-TB&XH, YT, KH&ĐT, TT&TT, NN&PTNT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT (Ch-HĐND).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{tr}
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NG-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXXH ngày tháng năm 2022 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ LĐTBXH, Bộ NN&PTNT, UBND;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia

giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ gia đình, cá nhân liên quan.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025: theo khoản 5 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: giao Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH, cụ thể như sau:

a) Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với UBND cấp huyện, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (viết tắt là đơn vị chủ trì liên kết) lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch theo Mẫu hồ sơ tại điểm 2 Điều 3 Quy định này.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất đến cơ quan thường trực (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chương trình nông thôn mới gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 gửi Ban Dân tộc tỉnh) tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, thẩm định.

UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án và bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo UBND cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh và các thành phần khác.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mô hình có quy mô vốn đầu tư trên 03 tỷ đồng hoặc được thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện trở lên. UBND cấp huyện phê duyệt dự án, mô hình đối với các trường hợp còn lại.

Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan được giao thẩm quyền phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất: giao UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ, bộ, ngành hướng dẫn các địa phương thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH, cụ thể như sau:

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ dự án theo Mẫu hồ sơ tại điểm 2 Điều 4 Quy định này.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình UBND cấp huyện thẩm định. Đối với các dự án triển khai trên địa bàn 02 xã thì gửi hồ sơ trực tiếp đến UBND cấp huyện để thẩm định.

UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo UBND cấp huyện; thành viên là lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện; thành phần khác (nếu có).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025: theo Điều 22 Thông tư số 02/2022/TT-UBND.

2. Mẫu hồ sơ

Áp dụng theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH, cụ thể như sau:

a) Xây dựng dự án

Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án phải tiến hành khảo sát, xây dựng dự án theo mẫu hồ sơ tại điểm 2 Điều 5 Quy định này.

b) Phê duyệt dự án

Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí xem xét, quyết định phê duyệt dự án.

c) Lựa chọn đơn vị thực hiện dự án

Thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước./.